

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 9 năm 2019

ĐIỂM THI

PHẦN VI: TÌNH HÌNH NHIỆM VỤ ĐỊA PHƯƠNG

LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 10, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ BÌNH

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Vân Anh	1	06	7.5	Bảy rưỡi	
2	Phạm Thị Vân Anh	2	05	8.0	Tám	
3	Trần Thị Ánh	3	04	7.0	Bảy	
4	Dương Thị Bảy	4	03	7.0	Bảy	
5	Đinh Hồng Cảnh	5	02	7.5	Bảy rưỡi	
6	Đào Thị Châm	6	01	8.0	Tám	
7	Nguyễn Hữu Duân	7	12	7.0	Bảy	
8	Dương Thị Duyên	8	11	7.5	Bảy rưỡi	
9	Trần Thị Duyên	9	10	7.5	Bảy rưỡi	
10	Giáp Thị Đạo	10	08	7.5	Bảy rưỡi	
11	Nguyễn Xuân Đông	11	09	7.0	Bảy	
12	Đồng Văn Đức	12	07	7.0	Bảy	
13	Nguyễn Đắc Giáp	13	18	7.5	Bảy rưỡi	
14	Nguyễn Thị Hà	14	17	7.0	Bảy	
15	Nguyễn Duy Hải	15	16	7.5	Bảy rưỡi	
16	Nguyễn Minh Hải	16	15	7.0	Bảy	
17	Vũ Thị Hạnh	17	14	7.5	Bảy rưỡi	
18	Nguyễn Thị Hào	18	13	7.5	Bảy rưỡi	
19	Dương Thị Hoa	19	24	7.0	Bảy	
20	Dương Kim Hiến	20	23	7.5	Bảy rưỡi	
21	Hoàng Nam Hiến	21	22	7.0	Bảy	
22	Dương Đình Hiền	22	21	7.5	Bảy rưỡi	
23	Đào Đại Hiền	23	20	7.5	Bảy rưỡi	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
24	Nguyễn Thị Thu Hiền	24	19	7.0	Bảy	
25	Nguyễn Trung Hiếu	25	30	7.0	Bảy	
26	Lý Thị Hòa	26	29	8.0	Tám	
27	Nguyễn Văn Hồng	27	28	7.0	Bảy	
28	Dương Tuấn Huệ	28	27	7.5	Bảy rưỡi	
29	Dương Nghĩa Hưng	29	26	7.0	Bảy	
30	Dương Thị Hương	30	25	7.5	Bảy rưỡi	
31	Nguyễn Thị Bích Hường	31	36	7.5	Bảy rưỡi	
32	Nguyễn Văn Huy	32	35	7.0	Bảy	
33	Lý Thị Minh Kết	33	34	7.0	Bảy	
34	Vũ Hữu Kiên	34	33	7.0	Bảy	
35	Nguyễn Thị Lê	35	32	7.0	Bảy	
36	Dương Thị Liên	36	31	7.0	Bảy	
37	Nguyễn Thị Linh	37	42	7.5	Bảy rưỡi	
38	Trương Thị Linh	38	41	8.0	Tám	
39	Lê Mai Loan	39	40	8.0	Tám	
40	Đào Ngọc Luân	40	39	8.0	Tám	
41	Hoàng Thị Lường	41	38	7.5	Bảy rưỡi	
42	Vũ Thị Luyến	42	37	8.0	Tám	
43	Nguyễn Thị Mẫn	43	48	7.5	Bảy rưỡi	
44	Lê Dương Mười	44	47	7.0	Bảy	
45	Ngô Thị Nam	45	46	7.0	Bảy	
46	Nguyễn Thành Ngọc	46	45	7.0	Bảy	
47	Lương Thị Minh Nguyệt	47	44	7.5	Bảy rưỡi	
48	Hoàng Thanh Nhân	48	43	7.0	Bảy	
49	Nguyễn Khắc Nhị	49	54	7.0	Bảy	
50	Dương Thị Nhiều	50	53	7.0	Bảy	
51	Vũ Thị Nhu	51	52	7.5	Bảy rưỡi	
52	Vũ Ngọc Nhung	52	51	7.5	Bảy rưỡi	
53	Dương Thị Phượng	53	50	7.5	Bảy rưỡi	
54	Nguyễn Hồng Quân	54	49	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
55	Nguyễn Văn Quyền	-	-	-	-	Thôi học
56	Nguyễn như Quyện	55	60	8.0	Tám	
57	Phạm Thị Như Quỳnh	56	59	7.5	Bảy rưỡi	
58	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	57	58	8.0	Tám	
59	Nguyễn Thị Quỳnh	58	57	7.5	Bảy rưỡi	
60	Trần Thúy Quỳnh	59	56	8.0	Tám	
61	Vũ Thị Quỳnh	60	55	7.5	Bảy rưỡi	
62	Nguyễn Văn Sáu	61	66	7.0	Bảy	
63	Nguyễn Thị Sinh	62	65	7.5	Bảy rưỡi	
64	Vũ Thị Tâm	63	64	7.5	Bảy rưỡi	
65	Bùi Thị Thái	64	63	7.0	Bảy	
66	Bùi Tiến Thành	65	62	7.0	Bảy	
67	Trần Văn Thành	66	61	7.0	Bảy	
68	Hoàng Thị Thay	67	72	7.5	Bảy rưỡi	
69	Dương Thị Kim Thoa	68	71	7.0	Bảy	
70	Nguyễn Thị Thu	69	70	7.5	Bảy rưỡi	
71	Nông Văn Thuận	70	69	7.0	Bảy	
72	Nguyễn Thị Thúy	71	68	7.5	Bảy rưỡi	
73	Dương Trọng Thủy	72	67	7.0	Bảy	
74	Đặng Thị Thu Trang	73	78	7.5	Bảy rưỡi	
75	Kiều Thị Thu Trang	74	77	7.5	Bảy rưỡi	
76	Nguyễn Thị Trang	75	74	8.0	Tám	
77	Dương Thị Trọng	76	76	7.5	Bảy rưỡi	
78	Dương Minh Trung	77	75	7.0	Bảy	
79	Dương Thị Tư	78	73	7.5	Bảy rưỡi	
80	Dương Thanh Tuấn	79	84	7.0	Bảy	
81	Nguyễn Mạnh Tuấn	80	83	7.5	Bảy rưỡi	
82	Trần Văn Tuấn	81	82	7.5	Bảy rưỡi	
83	Phan Phi Tùng	82	81	7.0	Bảy	
84	Nguyễn Thị Tường	83	80	7.5	Bảy rưỡi	
85	Phạm Thanh Tuyền	84	79	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
86	Nguyễn Ngọc Văn	85	89	7.0	Bảy	
87	Ngô Quang Tuyền	-	-	-	-	Thôi học
88	Nguyễn Văn Vệ	86	88	7.0	Bảy	
89	Dương Văn Việt	87	87	7.0	Bảy	
90	Đào Đăng Việt	88	86	7.0	Bảy	
91	Hà Thị Xiêm	89	85	7.5	Bảy rưỡi	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA XÂY DỰNG ĐẢNG
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên

